

TOÀN CẦU HÓA VÀ XU HƯỚNG DI CHUYỂN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

✍️ TRẦN ANH VŨ*

Ngày nhận: 28/2/2019

Ngày phản biện: 15/4/2019

Ngày duyệt đăng: 24/5/2019

Tóm tắt: Hội nhập và toàn cầu hoá đã và đang là một xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển của mỗi quốc gia, khu vực và thế giới. Với quá trình phân công lao động quốc tế càng ngày đi vào chiều sâu và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ đã đẩy nhanh quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới. Quá trình này được thể hiện rất rõ trong sự gia tăng rất nhanh của trao đổi quốc tế về thương mại, dịch vụ tài chính. Cùng với sự hình thành các khu thương mại tự do và các khối liên kết trên thế giới như: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Cộng đồng kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... thế giới đang sống trong quá trình hội nhập, toàn cầu hoá mạnh mẽ.

Từ khóa: lao động quốc tế, hội nhập, di chuyển, toàn cầu hóa

GLOBALIZATION AND MOVEMENT TRENDS OF INTERNATIONAL LABOR IN VIETNAM

Abstract: Integration and globalization have been an inevitable trend in the development process of each nation, region and in the world. International labor division has been increasingly in depth and the rapid development of science and technology has accelerated the internationalization process of the world's economy. This process is clearly demonstrated in the very rapid increase in international trade changes and financial services. Along with the formation of free trade zones and associated blocks in the world such as: the World Trade Organization (WTO), Asia-Pacific Economic Cooperation (APEC), ASEAN Economic Community (AEC), The Partnership Agreement Comprehensive and Progressive Trans-Pacific (CPTPP),... the world is in the process of strong integration and globalization.

Keywords: international labor, integration, movement, globalization.

1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hoá là quá trình hình thành một chỉnh thể thống nhất toàn thế giới. Đó là sự ảnh hưởng, tác động, xâm nhập lẫn nhau xuyên biên giới trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trước hết và chủ yếu là trên lĩnh vực kinh tế và vận hành trong một trật tự hệ thống toàn cầu. Toàn cầu hoá có thể được xem xét như một quá trình lịch sử tự nhiên.

Toàn cầu hóa làm cho sự di chuyển lao động quốc tế diễn ra nhiều và dễ dàng hơn. Di chuyển lao động quốc tế là hiện tượng người lao động di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia kia có kèm theo thay đổi về chỗ ở và cư trú. Nguyên nhân của quá trình di chuyển lao động diễn ra vì các lý do kinh tế hoặc phi kinh tế: - Lý do phi kinh tế: Di cư do áp lực tôn giáo, chính trị hoặc chiến tranh.

- Lý do kinh tế: Do chênh lệch tiền lương hay môi trường làm việc giữa các nước, một số nước thừa lao động một số nước thiếu lao động và cơ hội làm việc hấp dẫn...

Xu hướng di chuyển lao động hiện nay: di chuyển từ Đông qua Tây, từ Nam lên Bắc, từ các nước đang

phát triển qua các nước phát triển, từ các nước có thu nhập thấp sang các nước có thu nhập trung bình, mức sống cao hơn và ngược lại. Đối nghèo và thất nghiệp được coi là các yếu tố "đẩy" dẫn đến di cư lao động. Xu hướng toàn cầu hoá cùng sự phát triển của các công ty đa quốc gia cũng dẫn đến nhu cầu sử dụng nhân lực toàn cầu.

2. Toàn cầu hóa và xu hướng di chuyển lao động quốc tế trên thế giới và Việt Nam

2.1. Toàn cầu hóa và xu hướng di chuyển lao động quốc tế trên thế giới.

Toàn cầu hoá và quá trình tự do hoá sự chu chuyển các dòng vốn, tài chính, công nghệ, sự hình thành các khối kinh tế mậu dịch tự do và sự bành trướng của các tập đoàn siêu quốc gia là điều kiện thúc đẩy tự do hoá sự di chuyển sức lao động ở quy mô toàn cầu.

Động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển di cư lao động quốc tế tiếp tục vẫn là chênh lệch thu nhập giữa các nước. Trong thời đại toàn cầu hoá và hội

* Trường Đại học Công đoàn

nhập kinh tế quốc tế, khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch mức sống và thu nhập giữa các nước giàu và nước nghèo ngày càng có xu hướng xa ra chứ không thu hẹp lại. Cơ hội việc làm, thu nhập cao luôn có sức hút đối với NLD ở các nước nghèo. Ngoài ra nhu cầu của thị trường lao động ở nhiều nước phát triển và các nước khan hiếm lao động đã tạo ra một dòng chảy lao động tới những nước này từ những nước đang phát triển và dư thừa lao động hoặc từ những khu vực kém phát triển tiến tới những địa phương phát triển hơn và tới những ngành nghề có nhiều cơ hội việc làm và thu nhập cao hơn.

Theo Báo cáo “Ước tính toàn cầu về lao động di cư quốc tế giai đoạn 2013 - 2017” được ILO công bố ngày 6/12/2018 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), ước tính có 164 triệu người hiện là lao động di cư, tăng 9% kể từ năm 2013, khi con số này là 150 triệu người, trong đó số lượng người lao động di chuyển chiếm khoảng một nửa. Cùng với sự tăng trưởng về số lượng, chất lượng lao động di chuyển cũng được cải thiện đáng kể. Báo cáo chỉ ra rằng gần 87% lao động di chuyển đang trong độ tuổi lao động quan trọng nhất, từ 25 đến 64 tuổi. Điều này cho thấy một số nước xuất cư đang mất một phần lao động hiệu quả nhất trong lực lượng lao động của mình. Báo cáo cũng cho biết việc này có thể có tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế của các nước này. Lao động di cư chiếm 18,5% lực lượng lao động tại các nước thu nhập cao, nhưng chỉ chiếm 1,4 - 2,2% tại các nước thu nhập thấp. Từ năm 2013 - 2017, lao động di cư tại các nước thu nhập cao giảm từ 74,7% xuống 67,9%, trong khi tỷ lệ lao động di cư tại các nước thu nhập trung bình cao tăng lên [1].

2.2. Toàn cầu hóa và xu hướng di chuyển lao động quốc tế tại Việt Nam

Tại Việt Nam, trong thời gian qua, số lượng lao động nước ngoài vào làm việc có xu hướng tăng, nhất là trong những năm gần đây cả nước có trên 80.000 người lao động nước ngoài, trong đó đa số đã được cấp giấy phép lao động. [2]

Có hai nguyên nhân chính ảnh hưởng mạnh đến dòng di chuyển lao động nước ngoài vào Việt Nam.

Thứ nhất, do đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam tăng nhanh dẫn đến nhu cầu lao động người nước ngoài vào Việt Nam làm việc tăng lên.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tổng giá trị góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2018 ước đạt 9,89 tỷ USD, tăng 59,8% so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, số vốn đăng ký cấp mới và

vốn tăng thêm lại giảm 13,9%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2018 ước tính đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017 [3].

Thứ hai, Việt Nam có nhiều ngành, nhiều lĩnh vực mới đòi hỏi người lao động phải có kinh nghiệm và chuyên môn mới đảm đương được công việc mà người lao động trong nước chưa thể đáp ứng được như: Logistics, Tài chính - Ngân hàng, Nhân sự...[4]

Là nước đang phát triển, Việt Nam đứng trước thực tế là thiếu nhân lực có trình độ cao trong một số ngành kinh tế quốc dân. Đặc biệt là nhóm kỹ thuật viên trong một số ngành kinh tế kỹ thuật, và quản trị viên cao cấp ở cấp độ doanh nghiệp cũng như cấp ngành thiếu hụt nghiêm trọng. Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO tạo điều kiện cho lao động nước ngoài đến Việt Nam làm việc đã góp phần bù đắp thiếu hụt nói trên. Lao động nước ngoài đến Việt Nam sẽ tạo môi trường cạnh tranh giữa lao động Việt Nam với lao động nước ngoài góp phần nâng cao chất lượng lao động. Kết quả là làm cho chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao.

Cùng với việc lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc, trong những năm gần đây số lượng người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc ngày một nhiều, theo nhiều hình thức khác nhau: trao đổi nhân lực, xuất khẩu lao động theo đơn đặt hàng từ nước ngoài, tự túc do nhu cầu của người lao động.

Theo Cục Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), ước tính năm 2018, cả nước có hơn 140.000 lao động đi làm việc theo hợp đồng lao động ở nước ngoài, tăng 7% so với kết quả của năm 2017 [5].

Cũng theo thống kê của Cục Quản lý lao động ngoài nước năm 2018, có 28 thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam, trong đó có 6 thị trường tiếp nhận với quy mô từ 1.000 lao động trở lên, bao gồm thị trường Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc), Malaysia, Hàn Quốc, Romania và Saudi Arabia [6].

Thời gian qua, việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng còn những tồn tại, bất cập, ít nhiều ảnh hưởng hình ảnh của người lao động Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế. Tuy nhiên không thể phủ nhận ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, đặc biệt trong bối cảnh tình hình kinh tế, tạo việc làm trong nước còn hạn chế. Vấn đề chính cần quan tâm ở đây là xây dựng được các chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn lao động, đưa lao động đi làm việc ở các thị trường

tốt, có thu nhập khá, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động được đảm bảo.

3. Tác động của việc di chuyển lao động quốc tế

3.1. Tác động của việc lao động nước ngoài đến Việt Nam làm việc

Hiện Việt Nam là thành viên của một số Diễn đàn và tổ chức quốc tế như: ASEAN, APEC, ASEM, WTO, CPTPP... do đó Việt Nam phải mở cửa thị trường lao động để người lao động nước ngoài có thể tự do vào Việt Nam làm việc.

Người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc vừa có tác động thúc đẩy phát triển, vừa có tác động tiêu cực.

Thúc đẩy phát triển kinh tế:

Lao động nước ngoài trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển giao nhanh tiến bộ khoa học công nghệ và thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Thực tế trong thời gian vừa qua lao động nước ngoài đã góp phần đáp ứng nhu cầu về nhân lực của nhiều doanh nghiệp, nhất là các vị trí cần lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và công nghệ mới, đồng thời qua sử dụng lao động nước ngoài, lao động Việt Nam cũng học hỏi và nâng cao được trình độ, có sự chuyển biến mạnh về tác phong và thái độ làm việc.

Lao động nước ngoài góp phần đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật và quản lý tiên tiến vào sản xuất, chuyển giao có hiệu quả các công nghệ mới do cho người lao động bản địa, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Lao động nước ngoài có chuyên môn cao làm tăng dòng chảy tri thức đến các nước tiếp nhận. Họ là những người có kỹ năng, có trình độ chuyên môn, mang lại hiệu quả kinh tế và phát triển khoa học kỹ thuật ở nước tiếp nhận.

Lao động nước ngoài làm tăng hiệu quả tài chính đối với nước tiếp nhận do lao động chuyên môn cao nước ngoài thường có mức thu nhập cao và do vậy mức thuế thu nhập Nhà nước thu được từ họ sẽ cao hơn.

Lao động chuyên môn cao nước ngoài sẽ làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường lao động, góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Người lao động nước ngoài có chuyên môn cao buộc người lao động Việt Nam cũng phải cố gắng tự nâng cao trình độ của mình để có thể cạnh tranh trong công việc. Điều này sẽ thúc đẩy chất lượng lao động của cả nền kinh tế, góp phần nâng cao năng suất lao động.

Lao động nước ngoài giúp tiếp nhận bù đắp nguồn lao động chất lượng thiếu hụt, đặc biệt giúp phân bổ lại lao động trong các ngành khác nhau và trong những ngành nghề mới.

Lao động nước ngoài góp phần tăng cường mối quan hệ quốc tế giữa các quốc gia, thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các quốc gia.

Tác động tiêu cực:

Trong thời gian gần đây nhiều nước phát triển có những tranh luận gay gắt về vấn đề nhập cư, kể cả nhập cư lao động chuyên môn cao. Đó chính là do tác động tiêu cực của lao động nước ngoài.

Người lao động nước ngoài đến Việt Nam làm việc họ có thu nhập và được chuyển về nước phần thu nhập còn lại. Chính điều này làm giảm thu nhập yếu tố thuần trong tổng thu nhập quốc gia, kết quả là làm giảm tổng thu nhập quốc gia.

Người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc, họ mang theo văn hoá của dân tộc và đất nước họ. Cùng với những yếu tố văn minh, hiện đại; đồng thời họ cũng mang theo lối sống, văn hoá độc hại không phù hợp với thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam.

Lao động nước ngoài sẽ cạnh tranh việc làm với lao động trong nước. Cơ hội việc làm cho lao động nước sở tại sẽ ít đi, lợi ích của người lao động bị ảnh hưởng. Người sử dụng lao động có nhiều lựa chọn về người lao động.

Lao động nước ngoài làm gia tăng những vi phạm pháp luật, khó khăn cho quản lý và điều tiết thị trường lao động. Pháp luật của các quốc gia khác nhau vì vậy lao động nước ngoài sẽ không hiểu biết pháp luật nước sở tại sẽ dễ dẫn đến những vi phạm pháp luật.

3.2. Tác động của việc di chuyển lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc

Di chuyển lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc được hiểu đó là việc những người lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc theo hợp đồng lao động, cung ứng dịch vụ hoặc hiện diện nhân thể và không nhằm mục tiêu định định cư.

Theo số liệu của Hiệp hội Xuất khẩu Lao động Việt Nam (VAMAS), trong 9 tháng đầu năm 2018 có 102.116 lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, tăng 10,19% so với 9 tháng đầu năm 2017. Riêng trong tháng 9, các doanh nghiệp đã cung ứng được 14.635 lao động, tăng 0,4% so với tháng 8 liền kề. Hiện có 26 thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam. Các thị trường tiếp nhận lớn lao động Việt Nam tập trung vào các nước (lãnh thổ) thuộc

khu vực Đông Bắc Á và chủ yếu ở hai thị trường Đài Loan và Nhật Bản, trong đó thị trường Nhật Bản vẫn có tốc độ gia tăng cao, đồng thời thị trường khu vực Trung Đông trong đó Ả Rập Xê Út và một số thị trường khu vực Đông Âu như Rumania, Slovakia cũng có xu hướng tăng dần quy mô tiếp nhận lao động Việt Nam. [7]

Việc di chuyển lao động ra nước ngoài làm việc tác động hai chiều đến sự phát triển của Việt Nam.

Thúc đẩy phát triển bền vững

- Trước hết, di chuyển lao động ra nước ngoài tạo điều kiện để Việt Nam toàn dụng nguồn nhân lực làm tăng thu nhập quốc gia (GNI).

Theo thống kê của Ngân hàng thế giới (WB), mức tăng trưởng kiều hối của Việt Nam đạt 10% mỗi năm. Lượng kiều hối đã tăng từ 11,88 tỷ USD trong năm 2016, ước tính đến năm 2018 đạt con số kỷ lục 15,9 tỷ USD. Dự báo Việt Nam tiếp tục nằm trong top những nước nhận kiều hối lớn nhất thế giới năm 2018. [8]

- Hai là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài làm tăng chi tiêu của gia đình và tiết kiệm làm tăng đầu tư tư nhân trong dài hạn.

- Ba là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài thúc đẩy chi tiêu của Chính phủ cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Bốn là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngắn hạn và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại trong dài hạn.

- Năm là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Sáu là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài góp phần đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, thúc đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo nguyên lý “3I” (Imitation - Bắt chước, Initiative - Cải tiến, - Innovation - Sáng tạo).

- Bảy là, di chuyển lao động ra làm việc ở nước ngoài góp phần tăng cường đầu tư và mở rộng thị trường hàng hoá, dịch vụ của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Tự do di chuyển lao động Việt Nam sang các nước thành viên là điều kiện quan trọng giúp các nhà đầu tư lựa chọn phương án sử dụng lao động tối ưu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, người lao động Việt Nam ra làm việc ở nước ngoài cũng góp phần quảng bá hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam với người tiêu dùng của nước sở tại.

Tác động tiêu cực hay là sự đánh đổi

Di chuyển lao động Việt Nam ra làm việc ở nước ngoài có tác động thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế như đã trình bày. Tuy nhiên, nếu xem xét tác động của nó theo từng nhóm đối tượng, chúng ta dễ dàng nhận thấy một số tác động không như mong muốn:

Một là, lao động nữ đi làm việc ở nước ngoài không thực hiện được thiên chức chăm sóc gia đình. Thực tế cho thấy, phần lớn các gia đình có người vợ đi làm việc ở nước ngoài, con cái họ thường có biểu hiện thiếu hụt tình mẫu tử, người chồng của họ cũng có những biểu hiện không cân bằng trạng thái tâm, sinh lý.

Như vậy, người phụ nữ đi làm việc ở nước ngoài là một sự đánh đổi giữa thu nhập với thiên chức người vợ, người mẹ trong quãng đời mà bản thân và gia đình họ có nhu cầu cao nhất về thiên chức đó.

Hai là, người lao động đi làm việc ở nước ngoài dễ bị tổn thương về tinh thần do bị phân biệt đối xử.

Các quốc gia trên thế giới đều có hệ thống luật nhập cư, luật cư trú, luật lao động theo hướng bảo hộ quyền lợi của công dân của mình. Do đó, người lao động nước ngoài không được hưởng các quyền lợi như công dân nước sở tại. Tình trạng này làm cho người lao động tự ty, sống khép kín, dễ gây ra stress.

Bản thân người lao động, do trình độ ngoại ngữ hạn chế, nên hiểu biết và chấp hành pháp luật nước sở tại gặp nhiều khó khăn. Họ dễ vi phạm pháp luật nước sở tại và cũng không biết vận dụng luật pháp nước sở tại để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

4. Quản lý lao động quốc tế ở Việt Nam

4.1. Giải pháp quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam

Trong thời gian tới, để thực hiện việc quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam có hiệu quả, có tác dụng thúc đẩy nền kinh tế phát triển Nhà nước cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu gồm:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, ban hành chính sách linh hoạt phù hợp, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Lao động nước ngoài.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và phổ biến các quy định pháp luật Việt Nam với nhiều hình thức phù hợp, thiết thực để lao động nước ngoài hiểu rõ và tuân thủ pháp luật Việt Nam, để vừa phát huy được nguồn nhân lực mới mẻ này, vừa bảo đảm tuân thủ nghiêm túc luật pháp của Việt Nam.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử

(Xem tiếp trang 64)

doanh nghiệp gồm 2-3 nhân sự để hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ những kỹ năng cơ bản cho sinh viên khi đi tìm việc như: Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn giúp sinh viên xin việc thành công. Phối hợp với doanh nghiệp đưa sinh viên đến học tập trải nghiệm thực tế, thực tập và giới thiệu sinh viên đến phỏng vấn tìm việc làm...

5. Kết luận

Có việc làm và việc làm phù hợp là nguyện vọng chính đáng của sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng trên cả nước nói chung và sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Công đoàn nói riêng. Kết quả của quá trình đào tạo của nhà trường được thể hiện bởi tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp và làm đúng ngành nghề đào tạo, ở các vị trí công việc, cấp độ trong các tổ chức của nền kinh tế trong và

ngoài nước. Vấn đề giải quyết việc làm cho sinh viên là cả một quá trình cần sự tham gia tích cực của nhiều phía, có như vậy mới đảm bảo đầu ra cho sinh viên góp phần ổn định xã hội và xây dựng đất nước phồn vinh. □

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp năm 2018, Trường Đại học Công đoàn.
2. Bộ luật Lao động 2012, số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012
3. Đỗ Văn Dũng, Giải pháp nâng cao tỷ lệ việc làm cho sinh viên, <https://hocthenao.vn/2017/01/13/giai-phap-nang-cao-ty-le-viec-lam-cho-sinh-vien>
4. Quyết định số 1665/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025".
5. Trung tâm tư vấn. Nxb Đà Nẵng 1998.
6. <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/giai-quyet-viec-lam-cho-sinh-vien-tot-nghiep-la-trach-nhiem-cua-chinh-quyen-20190110155647946.htm>

TOÀN CẦU HÓA VÀ XU HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 45)

lý nghiêm các trường hợp cố tình vi phạm pháp luật Việt Nam.

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực Việt Nam có trình độ, kinh nghiệm để từng bước thay thế các vị trí công việc của lao động nước ngoài, nhằm giảm thiểu những khó khăn và bất cập đối với vấn đề lao động nước ngoài ở Việt Nam.

4.2. Giải pháp quản lý lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài

Quản lý người lao động làm việc ở nước ngoài thời gian qua là một trong những khâu yếu nhất trong hoạt động xuất khẩu lao động, muốn phát triển bền vững trong thời gian tới xuất khẩu lao động, Việt Nam cần có cách quản lý phù hợp với từng thị trường lao động nước ngoài nhằm bảo vệ quyền lợi cho người lao động, doanh nghiệp xuất khẩu lao động và xã hội trên cơ sở các giải pháp hiệu quả như:

- Chính phủ cần đàm phán với các nước có lao động Việt Nam làm việc, để ký kết các hiệp định, thỏa thuận song phương nhằm tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý và bảo vệ quyền lợi người lao động làm việc ở nước ngoài.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài một cách đồng bộ và hiệu quả, có chế tài đủ mạnh để xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Nâng cao nhận thức của người lao động về ý nghĩa và mục đích xuất khẩu lao động, nâng dần chất lượng nguồn lao động xuất khẩu bằng việc đào

trào nghề một cách bài bản phù hợp với nhu cầu việc làm của nước tiếp nhận, đẩy mạnh việc dạy ngoại ngữ nhất là ngôn ngữ nước sở tại, rèn luyện tác phong công nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kể cả việc phát hành các tờ báo riêng cho lao động ngoài nước, tổ chức các đoàn nghệ thuật ra nước ngoài biểu diễn nhằm tạo ý thức về tự hào dân tộc để người lao động gắn bó với quê hương, đất nước.

- Có chính sách hậu xuất khẩu lao động hợp lý để hỗ trợ và tạo cơ chế cho người lao động về nước có thể sử dụng hiệu quả, tay nghề, kinh nghiệm đồng thời tạo sự an tâm, tin tưởng cho số lao động sắp hết hạn hợp đồng sẵn sàng về nước đúng hạn. □

Tài liệu tham khảo

1. https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_652320/lang-vi/index.htm, ngày 6/12/2018.
2. <https://laodong.vn/xa-hoi/laodong-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-khac-phuc-thieu-hut-nhan-su-664875.laodong>, ngày 27/3/2019
3. <https://vietnambiz.vn/da-tu-nuoc-ngoai-vao-viet-nam-tang-gan-60-trong-nam-2018-115194.htm>, ngày 27/12/2018.
4. <http://thoibaonganghang.vn/khat-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-75855.html>, ngày 17/5/2018.
5. <http://www.nhandan.com.vn/cuoituan/item/39361102-trien-vong-tu-xuat-khau-lao-dong.html>, ngày 2/3/2019.
6. <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/223-13152-so-luong-lao-dong-lam-viec-o-nuoc-ngoai-da-vuot-31-ke-hoach-2018.html>, ngày 7/12/2018
7. <http://vamas.com.vn/tren-100000-lao-dong-viet-nam-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-trong-9-thang-dau-nam-2018-t221c655n44492>, ngày 02/10/2018
8. <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/viet-nam-nam-trong-top-nhung-nuoc-nhan-kieu-hoi-lon-nhat-the-gioi-nam-2018-301843.html> ngày 9/1/2019